

Bản án số: 967/2020/DS-ST
Ngày: 30/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Nguyễn Thanh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1405/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-DS ngày 04/5/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-DS ngày 03/6/2020 và quyết định tạm ngưng phiên tòa số 111/2020/QĐST-DS ngày 01/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: đường V, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm M; địa chỉ: đường X, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 6 ngày 04/12/2019).

Bị đơn: Ông Phạm D và bà Võ L; cùng cư trú tại: 2 đường số 3, Tổ 3, Khu phố 1, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm M và bà Phan H; cùng cư trú tại: 2 đường số 3, Tổ 3, Khu phố 1, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ngân hàng và ông Phạm D cùng bà Võ L đã ký kết hợp đồng tín dụng số 16/2017/8587426/HĐTD ngày 24/3/2017 và bảng kê rút vốn ngày 28/3/2017. Cụ thể như sau: Tổng số tiền vay là 4.000.000.000 đồng, mục đích

vay là hoàn vốn tiền mua nhà ở tại địa chỉ 40 đường S, Phường 2, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất tại thời điểm vay vốn 7,8%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau thời gian ưu đãi áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tại hợp đồng tín dụng hai bên thống nhất thỏa thuận Ngân hàng được thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp bên vay không trả được bất kỳ khoản nợ nào đến hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng, ngày 24/3/2017, ông Phạm M và bà Phan H là cha mẹ ruột của ông Phạm D đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp bất động sản số 16/2017/8587426/HĐBĐ, theo đó, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 101, xã T, huyện T, tỉnh N theo giấy chứng nhận số CS09673 ngày 16/01/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm D và bà Võ L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, thực hiện các biện pháp thu hồi nợ nhưng ông D, bà L vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 21/5/2019, ông D, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 3.863.040.000 đồng, lãi quá hạn là 738.395.344 đồng, phí trả chậm là 17.090.130 đồng, tổng cộng là 4.618.525.474 đồng.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm D và bà Võ L thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2020 là 5.264.168.385 đồng, trong đó nợ gốc là 3.863.040.000 đồng, lãi quá hạn là 1.085.751.434 đồng, phí chậm trả gốc là 36.651.172 đồng, phạt chậm trả lãi là 278.725.779 đồng. Ông D và bà L phải tiếp tục chịu tiền lãi và phí phát sinh khác theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm D và bà Võ L không thực hiện, chậm thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, Ngân hàng có quyền chủ động phát mãi, xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Phạm D và bà Võ L đối với Ngân hàng.

Trường hợp tài sản xử lý không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của ông Phạm D và bà Võ L đối với Ngân hàng thì ông D và bà L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết các nghĩa vụ còn lại cho Ngân hàng.

Bị đơn là ông Phạm D và bà Võ L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm M và bà Phan H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn trễ hạn, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 318, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét hợp đồng tín dụng giữa các bên, bảng kê rút vốn lần 01 đều được thực hiện tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đ - Địa chỉ đường H, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời, nguyên đơn xác định nguyên đơn lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Phạm D và bà Võ L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm M và bà Phan H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2020 thì vào thời điểm xem xét thẩm định, trên phần diện tích đất thế chấp không có công trình, không có ai cư ngụ trên đất, chỉ ghi nhận có một số cây tràm nhỏ do bà Phạm L trồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2020, bà L xác định, bà mượn đất của ông M để trồng tràm nhưng nếu ông M hoặc các bên có liên quan có yêu cầu lấy lại đất thì bà đồng ý trả lại nguyên hiện trạng là đất trống, không yêu cầu bồi thường đối với số cây tràm bà đã trồng, đồng thời,

bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án, do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa bà Phạm L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] Về các yêu cầu của đương sự:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả một lần số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2020 là 5.264.168.385 đồng, trong đó nợ gốc là 3.863.040.000 đồng, lãi quá hạn là 1.085.751.434 đồng, phí chậm trả gốc là 36.651.172 đồng, phạt chậm trả lãi là 278.725.779 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 16/2017/8587426/HĐTD ngày 24/3/2017, giấy đề nghị vay vốn ngày 28/3/2017, giấy đề nghị rút vốn lần 1 ngày 28/3/2017, bảng kê rút vốn lần 1 ngày 28/3/2017 thể hiện nguyên đơn cho bị đơn vay 4.000.000.000 đồng, mục đích vay là hoàn vốn tiền mua nhà ở tại địa chỉ 40 đường S, Phường 2, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất tại thời điểm vay vốn 7,8%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau thời gian ưu đãi áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, Ngân hàng được thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp bên vay không trả được bất kỳ khoản nợ nào đến hạn. Hợp đồng tín dụng đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật. Do đó, các bên tham gia hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận đã ký.

Căn cứ thông báo nợ quá hạn ngày 15/01/2018, biên bản làm việc ngày 28/02/2019 thì trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển số nợ của bị đơn sang nợ quá hạn. Việc bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn phải trả nguyên đơn tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/7/2020 là 5.264.168.385 đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 101, xã T, huyện T, tỉnh N theo giấy chứng nhận số CS09673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp

ngày 16/01/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ như trên, thấy:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 16/2017/8587426/HĐBĐ ngày 24/3/2017 do Văn Phòng công chứng K, tỉnh N chứng nhận ngày 24/3/2017, số công chứng 002736; quyền số 01/2017.TP/CC-SCC/HĐGD giữa nguyên đơn với ông Phạm M và bà Phan H thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 101, xã T, huyện T, tỉnh N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 16/01/2015. Theo Điều 4 của Hợp đồng thế chấp này, tài sản nói trên được thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bị đơn theo Hợp đồng tín dụng 16/2017/8587426/HĐTD ngày 24/3/2017, bao gồm nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản cầm cố (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Ông M và bà H đã giao cho nguyên đơn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344171, số vào sổ cấp GCN: CS 09673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 16/01/2015.

Các bên đã tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm theo chứng nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N – Chi nhánh huyện T vào ngày 28/3/2017. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 của Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 16/2017/8587426/HĐBĐ ngày 24/3/2017 có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận của hợp đồng. Căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9 của Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 16/2017/8587426/HĐBĐ ngày 24/3/2017, trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà bên được bảo đảm thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ hoặc bên được bảo đảm vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng dẫn đến việc phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn thì tài sản bảo đảm được xử lý theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ; tiền bán tài sản bảo đảm được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ cho bên nhận bảo đảm sau khi trừ chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí cần thiết khác có liên quan để xử lý tài sản, nếu tiền bán còn thiếu thì bên có nghĩa vụ phải trả tiếp phần còn thiếu đó. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn là ông Phạm D và bà Võ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 318, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án năm 2008;

Căn cứ vào Điều 9, 10, 11, 12 của Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N.

1.1. Buộc ông Phạm D và bà Võ L phải trả cho Ngân hàng TMCP N tính đến ngày 30/7/2020 là 5.264.168.385 đồng, trong đó nợ gốc là 3.863.040.000 đồng, lãi quá hạn là 1.085.751.434 đồng, phí chậm trả gốc là 36.651.172 đồng, phạt chậm trả lãi là 278.725.779 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31/7/2020, ông Phạm D và bà Võ L phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP N tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán với lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 16/2017/8587426/HĐTD ngày 24/3/2017 cho đến khi trả hết nợ.

1.2. Ngay sau khi Ông Phạm D và bà Võ L thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên thì việc thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 16/2017/8587426/HĐBĐ ngày 24/3/2017 do Văn Phòng công chứng K, tỉnh N chứng nhận ngày 24/3/2017, số công chứng 002736; quyền số 01/2017.TP/CC-SCC/HĐGD chấm dứt, Ngân hàng TMCP N phải trả cho ông Phạm M và bà Phan H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344171, số vào sổ cấp GCN: CS 09673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 16/01/2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

1.3. Trong trường hợp ông Phạm D và bà Võ L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ nêu trên này thì ông Phạm M và bà Phan H phải giao tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 101, xã T, huyện T, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 344171, số vào sổ cấp GCN: CS 09673 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 16/01/2015 cho cơ quan thi hành án phát mãi để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP N. Nếu số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ, xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ thanh toán thì số tiền chênh lệch được trả cho ông Phạm M và bà Phan H. Nếu số tiền này nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ thanh toán thì ông Phạm D và bà Võ L phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm D và bà Võ L phải chịu là 113.264.168 đồng.

Hoàn cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí là 56.228.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0021409 ngày 30/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm D, bà Võ L, ông Phạm M, bà Phan H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan Phương